

TCVN

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM

TCVN 5791 - 1994

**VẢI DỆT KIM
PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU ĐỂ THỬ**

Soạt xét lần 1

HÀ NỘI 1994

Lời nói đầu

TCVN 5791 - 1994 thay thế cho 2124 - 77.

TCVN 5791 - 1994 do trường Đại học Bách khoa Hà Nội biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng đề nghị và được Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường ban hành.

VẢI DỆT KIM

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU ĐỂ THỬ

Knitted fabrics *Method of sampling for testing*

Tiêu chuẩn này qui định phương pháp lấy mẫu để xác định các chỉ tiêu chất lượng vải dệt kim (mộc và thành phẩm) được sản xuất từ tất cả các loại sợi, tơ.

Tiêu chuẩn này không dùng lấy mẫu để xác định lỗi ngoại quan

1 Khai niệm chung

1.1 Lô là lượng vải dệt kim có cùng tên gọi, cùng số hiệu, sản xuất theo cùng một phương pháp trong cùng một thời gian nhất định, cùng nguyên liệu và kiểu dệt, có cùng một kiểu bao gói và có cùng một giây chung nhận chất lượng.

1.2 Đơn vị bao gói là đơn vị bao bì lớn nhất trong lô. Ví dụ: Kien (bao gồm nhiều tấm, nhiều cuộn vải dệt kim) hoặc là cuộn, tấm vải dệt kim.

1.3 Đại diện lô là tập hợp các cuộn, tấm của các đơn vị bao gói được lấy ra từ lô để cắt mẫu ban đầu.

1.4 Mẫu ban đầu và mẫu thí nghiệm

Mẫu ban đầu là đoạn vải được cắt ra từ cuộn hoặc tấm của đại diện lô. Tập hợp mẫu ban đầu gọi là mẫu thí nghiệm.

1.5 Mẫu thử là phần mẫu được chuẩn bị từ mẫu ban đầu để xác định một chỉ tiêu chất lượng nào đó của vải dệt kim.

2 Lấy mẫu

2.1 Lập đại diện lô

2.1.1 Khi lấy các đơn vị bao gói từ lô để lập đại diện lô phải tuân theo phương pháp ngẫu nhiên.

2.1.2 Số cuộn, tấm tạo đại diện lô được lấy từ lô (căn cứ vào số lượng m hoặc khối lượng kg) theo qui định trong bảng 1.

Số lượng vải dệt kim trong lô, m	Khối lượng vải trong lô, kg	Số đại diện lô (số cuộn, tấm)
Đến 5000	Đến 1000	3
Trên 5000	Trên 1000	3 và thêm 1 cho từng 5000m hoặc 1000kg tăng thêm.

2.2 Lấy mẫu ban đầu

2.2.1 Từ mỗi tấm, cuộn là đại diện lô, dùng kéo cắt một mẫu ban đầu để xác định các chỉ tiêu cơ lý, một mẫu ban đầu để xác định sự thay đổi kích thước khi giặt hoặc mẫu ban đầu để xác định chỉ tiêu chất lượng nào khác (độ ẩm, độ bền, thành phần nguyên liệu ...)

Trong trường hợp số đơn vị bao gói của lô ít hơn 3, từ mỗi đơn vị bao gói lấy nhiều hơn 1 mẫu ban đầu để đảm bảo tổng số mẫu ban đầu tối thiểu để xác định từng chỉ tiêu chất lượng không ít hơn 3.

2.2.2 Trong trường hợp kết quả thử ở một trong các chỉ tiêu không đạt, tiến hành thử lại chỉ tiêu đó từ lượng mẫu ban đầu gấp đôi, mẫu này được lấy ở chính lo vải đó. Kết quả lần thử hai là kết quả đánh giá.

2.2.3 Mẫu ban đầu được cắt cách đầu hoặc cuối tấm cuộn của đại diện lô không nhỏ hơn 2 met. Nếu đại diện lô này gồm từ một số đoạn cắt rời, mẫu ban đầu được phép lấy ở gần vị trí cắt.

2.2.4 Mẫu ban đầu không được lấy ở chỗ vải dệt kim có khuyết tật ngoại lệ.

2.2.5 Mẫu ban đầu để xác định các chỉ tiêu cơ lý và mẫu ban đầu để xác định sự thay đổi kích thước khi giặt có chiều rộng là chiều rộng khổ vải còn chiều dài cần lấy sao cho đủ để thí nghiệm. Chiều dài này phụ thuộc vào chiều rộng khổ vải, vào độ lớn rappo và vào kích thước và số lượng mẫu thử.

2.2.6 Mẫu ban đầu để xác định độ bền màu của vải dệt kim màu hoặc in hoa... cần lấy ở vị trí cơ màu sắc hoặc hoa văn tương tự như mọi vị trí khác của vải dệt kim. Độ lớn mẫu ban đầu cần lấy sao cho đảm bảo số lượng và kích thước mẫu thử theo TCVN 4537 - 88 và TCVN 4538 - 88.

2.2.7 Chiều dài mẫu ban đầu để chuẩn bị mẫu thử xác định các chỉ tiêu theo qui định trong bảng 2.

Bảng 2

Mục đích lấy mẫu	Chiều dài mẫu ban đầu, cm		
	Xác định các chỉ tiêu cơ lý	Xác định các chỉ tiêu hóa lý	Xác định tất cả các chỉ tiêu cơ, hóa, lý.
Chiều rộng khổ vải (cm)			
65 - 80	110 (80)	90	180 (150)
85 - 110	80 (60)	70	140 (120)
≥ 120	60 (40)	70	110 (90)

Chú thích :

- Các chỉ tiêu cơ lý : Khối lượng, mật độ, lực kéo đứt và độ đàn hồi, khả năng chịu mài mòn, lực nén thùng và chiều dài vòng sợi...
- Các chỉ tiêu hóa lý : Sự thay đổi kích thước khi giặt, độ bền màu.
- Con số ghi trong ngoặc đơn dùng cho trường hợp khi không thử khả năng chịu mài mòn và lực nén thùng.

2.2.8 Mẫu ban đầu để xác định độ ẩm lấy ở bất kỳ vị trí nào của cuộn hoặc tấm đại diện lô. Độ lớn mẫu ban đầu này bảo đảm lượng mẫu xác định độ ẩm như sau :

- Dùng tủ sấy có cân : 1 mẫu thử với khối lượng mẫu thử 50 - 100g.
- Dùng tủ sấy thường : 2 mẫu thử với khối lượng mẫu thử 10 - 20g.

2.3 Lấy mẫu thử

2.3.1 Từ từng mẫu ban đầu lấy ra các mẫu thử, để tiến hành các thí nghiệm cụ thể. Kích thước, hình dạng, số lượng mẫu thử theo qui định trong tiêu chuẩn về phương pháp thử.

2.3.2 Mẫu thử được lấy ở mẫu ban đầu cách mép gấp dọc của vải dệt kim hoặc mép mẫu ít nhất 5cm.

2.3.3 Các mẫu thử được vạch dấu theo đường hoặc được vẽ theo hình dạng, kích thước yêu cầu trên mẫu ban đầu và được cắt chính xác theo đường dấu bao của từng mẫu thử.

2.3.4 Đối với vải dệt kim có rập 100% ion mẫu thử cần được cắt phù hợp với các yêu cầu của các tiêu chuẩn về phương pháp thử theo từng phần rập khác nhau về mật độ, độ dày, kiểu dệt, hoặc loại nguyên liệu.

3 Ghi nhãn, bao gói mẫu.

3.1 Đối với mẫu thí nghiệm để xác định độ ẩm phải cho vào hộp đậy kín hoặc được cân ngay với độ chính xác đến 0.1% khối lượng cân. Giá trị khối lượng này phải được ghi kèm theo mẫu.

3.2 Mẫu thí nghiệm được bao gói cẩn thận và kèm theo mẫu cơ nhân ghi rõ :

Tên cơ sở sản xuất;

Tên sản phẩm;

Ký hiệu lô vải;

Lượng mẫu ban đầu;

Nơi lấy mẫu;

Ngày lấy mẫu;

Người lấy mẫu;

Ký hiệu và số hiệu tiêu chuẩn sản phẩm.